

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa,

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.
2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan tới quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa trên lãnh thổ Việt Nam (trừ các công trình đường thủy nội địa thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa bao gồm: cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Giao thông vận tải là Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Sở Giao thông vận tải.

2. Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa là các tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện bảo trì công trình đường thủy nội địa.

3. Công trình đường thủy nội địa bao gồm: luồng chạy tàu thuyền; cảng, bến thủy nội địa; âu tàu, kè, đập; báo hiệu, tín hiệu và các công trình phụ trợ khác.

4. Quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa là quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc về bảo trì công trình đường thủy nội địa.

5. Bảo trì công trình là tập hợp các hạng mục công việc nhằm đảm bảo và duy trì sự hoạt động bình thường, an toàn của công trình theo quy định trong suốt quá trình khai thác và sử dụng. Bảo trì công trình đường thủy nội địa bao gồm công tác bảo dưỡng thường xuyên; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

6. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa là các công việc thường xuyên và sửa chữa nhỏ nhằm duy trì đảm bảo sự hoạt động bình thường, an toàn của công trình trong suốt quá trình khai thác.

7. Sửa chữa định kỳ bao gồm sửa chữa vừa và sửa chữa lớn.

a) Sửa chữa vừa là sửa chữa những hư hỏng, khắc phục những biểu hiện xuống cấp của bộ phận, kết cấu công trình có ảnh hưởng đến chất lượng khai thác và gây mất an toàn giao thông đường thủy nội địa;

b) Sửa chữa lớn là công việc sửa chữa tiến hành khi có hư hỏng hoặc xuống cấp ở nhiều bộ phận công trình nhằm khôi phục chất lượng ban đầu của công trình đường thủy nội địa.

8. Sửa chữa đột xuất là công việc sửa chữa công trình đường thủy nội địa do tác động đột xuất như gió bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy hoặc những tác động đột xuất khác dẫn tới những hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa kịp thời để đảm bảo an toàn giao thông liên tục.

Điều 3. Yêu cầu về bảo trì công trình đường thủy nội địa

1. Công trình đường thủy nội địa sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ phải được nghiệm thu bàn giao, tổ chức quản lý và bảo trì. Thời gian thực hiện quản lý và bảo trì được tính từ ngày chủ đầu tư, chủ quản lý khai thác ký vào biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

2. Bảo trì công trình đường thủy nội địa phải thực hiện theo quy trình bảo trì và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức bảo trì được cấp có thẩm quyền công bố.

3. Công trình đường thủy nội địa phải có quy trình bảo trì gồm: luồng chạy tàu thuyền; cảng, bến thủy nội địa; âu tàu, kè, đập; báo hiệu, tín hiệu giao thông. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Thông tư này.

4. Các công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng chưa có quy trình bảo trì công trình thì thực hiện bảo trì theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

5. Công tác bảo trì công trình đường thủy nội địa phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định.

Chương II

QUY TRÌNH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 4. Lập quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa

1. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa

a) Đối với dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo có áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới; dự án có chuyển giao công nghệ mới thì Nhà thầu tư vấn khi thiết kế phải lập quy trình bảo trì, bàn giao cho chủ đầu tư và cơ quan quản lý công trình đường thủy nội địa. Chi phí cho việc lập quy trình bảo trì được tính vào tổng mức đầu tư của dự án;

b) Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình có trách nhiệm lập và bàn giao quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình cho cơ quan quản lý công trình đường thủy nội địa.

c) Đối với các công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan lập, trình duyệt quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa quốc gia;

- Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan lập, trình duyệt quy trình bảo trì đối với công trình đường thủy nội địa địa phương;

- Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì cơ quan quản lý đường thủy nội địa báo cáo Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định sử dụng tiêu chuẩn hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình bảo trì riêng.

Chi phí cho việc lập quy trình bảo trì được tính trong nguồn kinh phí của kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa hàng năm.

2. Căn cứ lập quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa

- a) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình đường thủy nội địa;
- b) Quy trình bảo trì công trình tương tự, nếu có;
- c) Chỉ dẫn của nhà sản xuất thiết bị;
- d) Điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình đường thủy nội địa;
- đ) Kinh nghiệm quản lý, sử dụng công trình và thiết bị được lắp đặt vào công trình;
- e) Các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Nội dung quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa

- a) Quy định các thông số kỹ thuật, công nghệ, xử lý kết quả quan trắc khi công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc;
- b) Quy định đối tượng, phương pháp và tuần suất kiểm tra công trình;
- c) Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;
- d) Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;
- đ) Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp, quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình;
- e) Các chỉ dẫn khác có liên quan đến bảo trì công trình đường thủy nội địa.

4. Công trình đường thủy nội địa phải lập quy trình bảo trì riêng theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này.

Điều 5. Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa

1. Đối với các dự án quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 4 của Thông tư này, cơ quan quản lý đường thủy nội địa có trách nhiệm tiếp nhận quy trình bảo trì do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình và nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị vào công trình; tổ chức thẩm định và trình Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa trước khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình do nhà thầu thiết kế lập để làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt.

3. Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa quốc gia do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa địa phương do Sở Giao thông vận tải tổ chức xây dựng.

Điều 6. Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa

1. Trong quá trình thực hiện bảo trì, cơ quan quản lý đường thủy nội địa được quyền điều chỉnh quy trình bảo trì khi phát hiện thấy những yếu tố bất hợp lý có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng khai thác, sử dụng công trình và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Cơ quan quản lý đường thủy nội địa lập hoặc thuê nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị khác lập quy trình bảo trì công trình sửa đổi, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này để phê duyệt.

Nhà thầu lập quy trình bảo trì phải chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình thực hiện và có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung bất hợp lý trong quy trình bảo trì nếu do lỗi mình gây ra và có quyền từ chối những yêu cầu điều chỉnh những quy trình bảo trì không đúng quy định của cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

2. Trường hợp công trình sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì để thực hiện bảo trì, khi tiêu chuẩn này được sửa đổi hoặc thay thế thì cơ quan quản lý đường thủy nội địa có trách nhiệm quản lý việc thực hiện bảo trì theo nội dung đã được sửa đổi.

Điều 7. Tài liệu phục vụ bảo trì công trình đường thủy nội địa

1. Các tài liệu phục vụ công tác bảo trì bao gồm: quy trình bảo trì công trình, bản vẽ hoàn công, lý lịch thiết bị lắp đặt và các hồ sơ theo Điều 8 của Thông tư này và tài liệu cần thiết khác phục vụ cho bảo trì công trình.

2. Nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị có trách nhiệm bàn giao tài liệu phục vụ bảo trì công trình, thiết bị cho chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền trước khi bàn giao công trình vào sử dụng, khai thác.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 8. Nội dung công tác quản lý công trình đường thủy nội địa

1. Quản lý hồ sơ công trình đường thủy nội địa

a) Các công trình đường thủy nội địa xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất khi hoàn thành đưa vào sử dụng phải bàn giao cho cơ quan quản lý đường thủy nội địa hồ sơ hoàn công được lập theo quy định hiện